

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất, gia công các loại mực in với quy mô 2.000 tấn/năm; sản xuất, gia công sản phẩm đèn led, đèn chiếu sáng, đèn năng lượng mặt trời 100.000 cái/năm” do Công ty TNHH Công Nghiệp Hao Si Bình Phước làm Chủ đầu tư tại lô 30, cụm A4, đường số 3B, KCN Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Sản xuất, gia công các loại mực in với quy mô 2.000 tấn/năm; sản xuất, gia công sản phẩm đèn led, đèn chiếu sáng, đèn năng lượng mặt trời 100.000 cái/năm” họp ngày 16/4/2021 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Sản xuất, gia công các loại mực in với quy mô 2.000 tấn/năm; sản xuất, gia công sản phẩm đèn led, đèn chiếu sáng, đèn năng lượng mặt trời 100.000 cái/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 0707/CV ngày 07/7/2021 và Văn bản số 0708/CV ngày 07/07/2021 của Công ty TNHH Công Nghiệp Hao Si Bình Phước;*

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 44/TTr-BQL ngày 15/7/2021.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Sản xuất, gia công các loại mực in với quy mô 2.000 tấn/năm; sản xuất, gia công sản phẩm đèn led, đèn chiếu sáng, đèn năng lượng mặt trời 100.000 cái/năm” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Công Nghiệp Hao Si Bình Phước (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô 30, cụm A4, đường số 3B, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Công Nghiệp Hao Si Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

### Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Tiến Hưng;
- Công ty CP ĐT KD Nhà Bình Phước;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT<sub>(BH-55-QDPD-16/7)</sub>.

CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh



**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**“SẢN XUẤT, GIA CÔNG CÁC LOẠI MỰC IN VỚI QUY MÔ 2.000**  
**TẤN/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG SẢN PHẨM ĐÈN LED, ĐÈN CHIẾU SÁNG,**  
**ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI 100.000 CÁI/NĂM” DO CÔNG TY TNHH**  
**CÔNG NGHIỆP HAO SI BÌNH PHƯỚC LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ 30,**  
**CỤM A4, ĐƯỜNG SỐ 3B, KCN ĐỒNG XOÀI III, XÃ TIẾN HUNG,**  
**THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số 1880.../QĐ-UBND ngày 20/...../2021*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Tên Dự án:** Sản xuất, gia công các loại mực in với quy mô 2.000 tấn/năm; sản xuất, gia công sản phẩm đèn led, đèn chiếu sáng, đèn năng lượng mặt trời 100.000 cái/năm.

**1.2. Địa điểm thực hiện:** Lô 30, cụm A4, đường số 3B, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**1.3. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Công Nghiệp Hao Si Bình Phước.

Địa chỉ liên hệ: Lô 30, cụm A4, đường số 3B, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:**

Dự án “Sản xuất, gia công các loại mực in với quy mô 2.000 tấn/năm; sản xuất, gia công sản phẩm đèn led, đèn chiếu sáng, đèn năng lượng mặt trời 100.000 cái/năm” được thực hiện trên diện tích 8.838,9 m<sup>2</sup> tại lô 30, cụm A4, đường số 3B, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, kho chứa, nhà văn phòng, nhà bảo vệ, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy, nhà xe, trạm điện, nhà vệ sinh.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 05 ngăn; hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, gia công mực in; hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản xuất, gia công đèn; hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình kiểm tra, sửa chữa đèn; kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường; kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

**1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:**

- Quy trình sản xuất, gia công mực in: Nhựa, bột màu, dung môi, chất phụ gia → Nhập liệu → Khuấy trộn → Nghiền → Kiểm tra → Ổn định bằng UV và sấy sản phẩm → Lọc → Chiết rót → Đóng gói → Nhập kho.

- Quy trình sản xuất, gia công đèn: Vật tư, linh kiện, pin năng lượng mặt trời → Kiểm tra vật tư, linh kiện → Quét keo lắp bo mạch → Chít keo silicon → Kiểm tra → Thử đèn → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói → Kiểm tra QC → Nhập kho.



## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:*  
Gồm bụi từ quá trình đào đắp đất, san nền; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị; khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình xây dựng và lắp đặt thiết bị; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị; chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển; bụi từ quá trình tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, gia công mực in; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, gia công đèn; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại.

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

#### 2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng  $0,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm: pH, BOD<sub>5</sub>, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng N, tổng P, amoni (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng coliforms...

- *Nước thải xây dựng:* Gồm nước rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công... với lưu lượng phát sinh khoảng  $5,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ . Thành phần chính trong nước thải xây dựng chứa chủ yếu là bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ.

#### 2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng  $4,95 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , thành phần: BOD<sub>5</sub>, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms.

- *Nước thải sản xuất:* Dự án không phát sinh nước thải sản xuất. Dự án chỉ sử dụng nước làm mát máy móc thiết bị với lượng nước cấp ban đầu khoảng  $100 \text{ m}^3$  và lượng nước này được tuần hoàn tái sử dụng, được bổ sung thêm khi thiếu hụt và không thải ra ngoài môi trường.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

#### 2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- *Bụi từ quá trình đào đắp đất, san nền:* Bụi thô, có kích thước lớn.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thi công:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Khí thải từ quá trình hàn:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi, khói hàn...

- *Khí thải từ quá trình sơn, chà nhám, hoàn thiện công trình:* Thành phần chứa bụi, VOC...

#### 2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy và tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm:* Thành phần khí thải bao gồm bụi, NO<sub>x</sub>, CO, HC...



- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất mực in:* Thành phần chủ yếu là bụi, toluen, butylaxetat, isopropanol, cyclohexanone, etylaxetat...

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, gia công đèn:* Thành phần chủ yếu là bụi, khói hàn, hơi keo.

- *Khí thải từ khu vực tập trung chất thải rắn:* Thành phần chủ yếu là  $\text{NH}_3$  và  $\text{CH}_4$ .

## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

### **2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:**

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị:* Phát sinh khoảng 150 kg/ngày, chủ yếu là pallet, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu, xà bần, dây điện, ống nhựa, kính, vữa, gạch... không chứa thành phần nguy hại.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 18 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

### **2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Phát sinh khoảng 204,15 kg/tháng, thành phần chủ yếu là hộp giấy, pallet thải, thùng carton hỏng, vỏ đèn (không chứa thành phần nguy hại)...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 99 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

### **2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:**

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 08 kg/tháng, chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải, bao bì mềm thải, bao bì cứng thải, que hàn thải...

### **2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.582 kg/tháng, thành phần chủ yếu gồm chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác; các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác; dầu phân tán thải; bao bì cứng thải bằng nhựa; pin, ắc quy chì thải; thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử, than hoạt tính thải...

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

#### **3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Sử dụng nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Lắp đặt bể lắng cát và bể tách dầu tạm thời để thu gom và tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công.



- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

### **3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 05 ngăn → Hồ ga khử trùng. Nước thải sinh hoạt sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Đồng Xoài III (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III.

### **3.2. Về xử lý bụi, khí thải:**

#### **3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình đào đắp đất, san nền*: Che chắn khu vực xây dựng; áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến; tưới nước giảm thiểu bụi; trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thi công*: Tất cả các phương tiện vận chuyển phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình sơn, hàn, chà nhám, hoàn thiện công trình*: Công nhân được tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính, mũ, găng tay....

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy và tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm*: Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân; khu vực tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu được bố trí hợp lý; trang bị khẩu trang cho công nhân...



- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, gia công mực in:* Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, gia công mực in với quy trình như sau: Bụi, khí thải → Họng hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ chứa than hoạt tính → Ống thoát khí.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do hơi keo từ quá trình sản xuất, gia công đèn:* Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý hơi keo phát sinh từ quá trình sản xuất, gia công đèn với quy trình như sau: Hơi keo → Họng hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp phụ chứa than hoạt tính → Ống thoát khí.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình kiểm tra, sửa chữa đèn:* Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình kiểm tra, sửa chữa đèn với quy trình như sau: Bụi, khí thải → Chụp hút có chứa tấm lọc than hoạt tính → Hệ thống đường ống → Quạt hút → Ống thoát khí.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ( $k_p$  theo lưu lượng của nguồn thải và  $k_v = 1,0$ ), QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định của pháp luật hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:**

#### **3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:**

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn lưu chứa vào trong khu vực chứa chất thải rắn có diện tích khoảng 20 m<sup>2</sup>, có tường bao quanh, mái che. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Trang bị 03 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có dung tích 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng, công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.



### 3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường và lưu chứa vào kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng diện tích khoảng 105 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

#### 3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:

- Phân loại, lưu chứa chất thải nguy hại trong từng thùng riêng biệt, có dán nhãn, chứa trong khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 20 m<sup>2</sup>, có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

#### 3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 49 m<sup>2</sup> có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rốn thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ



môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:**

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng, chăm sóc cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, trong đó bố trí hệ thống thông gió và quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thiết kế mái nhà xưởng có lớp cách nhiệt, chống nóng tốt...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

#### **3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:**

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.



### 3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ*: Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất; định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt; thực hiện nghiêm ngặt quy định kỹ thuật, an toàn trong quá trình nhập xuất nguyên, nhiên liệu; công nhân hoặc cán bộ vận hành phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động*: Công nhân trực tiếp sản xuất được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và đào tạo định kỳ về an toàn lao động; thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên...

- *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất*: Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất; bố trí khu vực lưu chứa hóa chất theo đúng quy định; các hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất đều được dán tem, nhãn để công nhân lưu ý khi sử dụng; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước và bể tự hoại*: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa; tiến hành sửa chữa, thay thế đường ống cấp thoát nước bị hư hỏng; định kỳ hút bùn thải của bể tự hoại và quản lý theo đúng quy định...

- *Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải*: Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý bụi, khí thải; tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành; tạm ngưng sản xuất nếu hệ thống xử lý bụi, khí thải ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả...

### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 05 ngăn: 04 bể tự hoại, có tổng dung tích là 48 m<sup>3</sup>.
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất, gia công mực in (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 6.000 m<sup>3</sup>/giờ).
- Hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản xuất, gia công đèn (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 13.000 m<sup>3</sup>/giờ).
- Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình kiểm tra, sửa chữa đèn (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ).
- Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng diện tích khoảng 105 m<sup>2</sup>; kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích 49 m<sup>2</sup>.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

#### 5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:



### 5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực xây dựng
- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình xây dựng.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

### 5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, hóa đơn, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

## 5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

### 5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*
  - + 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất, gia công mực in: Vi khí hậu, ánh sáng, bụi, tiếng ồn, VOC.
  - + 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất, gia công đèn: Vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, CO, NO<sub>x</sub>, Sn, cadimi, Cu, VOC.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong quá trình vận hành thử nghiệm.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức chiếu sáng cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.





### 5.2.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, gia công mực in: Lưu lượng, bụi, toluen, butylaxetat, n-propanol, cyclohexanon, etylaxetat.

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản xuất, gia công đèn: Lưu lượng, VOC.

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình kiểm tra, sửa chữa đèn: Lưu lượng, bụi, NO<sub>x</sub>, CO, Sn, cadimi, đồng.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ( $k_p$  theo lưu lượng của nguồn thải;  $k_v = 1,0$ ); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

### 5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hồ ga đầu nối nước thải với KCN Đồng Xoài III.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, tổng N, tổng P, tổng coliforms, dầu mỡ tổng.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

### 5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, hóa đơn, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

## 5.3. Giai đoạn giai đoạn vận hành thương mại:

### 5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*



+ 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất, gia công mực in: Vi khí hậu, ánh sáng, bụi, tiếng ồn, VOC.

+ 01 vị trí tại khu vực xưởng sản xuất, gia công đèn: Vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, CO, NO<sub>x</sub>, Sn, cadimi, Cu, VOC.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức chiếu sáng cho phép tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

### 5.3.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí và thông số giám sát*:

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sản xuất, gia công mực in: Lưu lượng, bụi, toluen, butylaxetat, n-propanol, cyclohexanon, etylaxetat.

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình sản xuất, gia công đèn: Lưu lượng, VOC.

+ 01 vị trí tại ống thoát sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình kiểm tra, sửa chữa đèn: Lưu lượng, bụi, NO<sub>x</sub>, CO, Sn, cadimi, đồng.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ( $k_p$  theo lưu lượng của nguồn thải;  $k_v = 1,0$ ); QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

### 5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại hồ ga đầu nổi nước thải với KCN Đồng Xoài III.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, tổng N, tổng P, tổng coliforms, dầu mỡ tổng.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

### 5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.



- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, hóa đơn, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

**6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:** Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

**6.1.** Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

**6.2.** Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**6.3.** Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

**6.4.** Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**6.5.** Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

**6.6.** Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

**6.7.** Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**6.8.** Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

**6.9.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.